

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT – HÀN



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Chuyên ngành:

1. *Quản trị thương mại điện tử*
2. *Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số*
3. *Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số*
4. *Quản trị dự án CNTT*

(Áp dụng cho khoá tuyển sinh 2025)

Cơ quan chủ trì: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG VIỆT HÀN, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Khu đô thị Đại học Đà Nẵng,
470 Đường Trần Đại Nghĩa, phường Hòa Quý, quận Ngũ
Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3667131

Fax: 0236 3667117

Website: <http://www.vku.udn.vn/>

Đà Nẵng, năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHVH ngày/....../2024 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn)

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT:

1.	Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Quản trị kinh doanh ▪ Quản trị thương mại điện tử ▪ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số ▪ Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số ▪ Quản trị dự án CNTT
2.	Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Business Administration
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Mã ngành đào tạo:	7340101
5.	Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT
6.	Thời gian đào tạo:	4 năm (8 học kỳ)
7.	Loại hình đào tạo:	Chính quy
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	125
9.	Thang điểm:	Thang điểm 4
10.	Điều kiện tốt nghiệp:	Sinh viên muốn tốt nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau: 1. Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 125 tín chỉ; 2. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; 3. Đạt chuẩn đầu ra về trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà trường; - Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Trường hợp sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế Toeic, yêu cầu tối thiểu 500. - Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền Thông. 4. Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh và Giáo dục thể chất.

11. Văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
12. Vị trí việc làm:	Sinh viên Ngành Quản trị kinh doanh được đào tạo và chuẩn bị để có khả năng và cơ hội hoạt động như là những chuyên viên thực hiện các công việc: * Quản trị Thương mại điện tử 1. Trợ lý thương mại điện tử. 2. Nhân viên/chuyên viên thương mại điện tử. 3. Chuyên viên tiếp thị thương mại điện tử. 4. Nhân viên nội dung thương mại điện tử. 5. Biên tập viên thương mại điện tử. 6. Chuyên viên phân tích tiếp thị thương mại điện tử. 7. Chuyên viên phân tích thương mại điện tử. 8. Quản lý sản phẩm trực tuyến. * Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành sẽ đảm nhận được các vị trí: - Nhân viên tác nghiệp, quản lý, giám sát, điều hành ở các bộ phận trực tiếp cung ứng dịch vụ, chuyên viên trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành, lưu trú, vui chơi giải trí trong phạm vi quốc gia và quốc tế... - Chuyên viên các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và lữ hành, các tổ chức phi Chính phủ về Du lịch lữ hành, lưu trú du lịch trong phạm vi quốc gia và quốc tế. - Khởi nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ lữ hành. * Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành quản trị logistics và chuỗi cung ứng số sẽ đảm nhận được các vị trí công việc cụ thể sau: - Làm việc và thăng tiến nghề nghiệp trong cơ quan quản lý Nhà nước về kinh doanh, các viện nghiên cứu, các cơ sở kinh doanh trong và ngoài nước liên quan đến lĩnh vực Logistics & Chuỗi cung ứng - Khởi nghiệp và thành đạt trong kinh doanh trong lĩnh vực Logistics & chuỗi cung ứng - Chuyên viên bộ phận dịch vụ và quản lý, giải pháp công nghệ Logistics và chuỗi cung ứng, các doanh nghiệp thương mại dịch vụ, sản xuất, vận hành; triển khai và quản lý các dự án sản xuất kinh doanh phức hợp trong lĩnh vực dịch vụ Logistics.

	- Triển vọng trong tương lai có thể trở thành trưởng phòng, ban, giám đốc bộ phận, dự án, giám đốc kinh doanh hay chuyên gia phân tích, tư vấn, lãnh đạo. * Quản trị Dự án CNTT Sinh viên tốt nghiệp từ chuyên ngành Quản trị Dự án Công nghệ thông tin có thể làm các công việc: 1. Chuyên viên quản lý dự án Công nghệ thông tin. 2. Chuyên viên thẩm định dự án Công nghệ thông tin. 3. Giám sát nghiệm thu dự án Công nghệ thông tin. 4. Chuyên viên thiết kế, tư vấn thực hiện các công việc liên quan đến dự án Công nghệ thông tin. 5. Giám đốc/Quản lý dự án Công nghệ thông tin Ngoài ra, cử nhân chuyên ngành Quản trị Dự án Công nghệ thông tin còn có thể làm việc ở viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo với vai trò chuyên viên, cán bộ giảng dạy về Quản trị dự án Công nghệ thông tin.
13. Khả năng nâng cao trình độ:	Sinh viên theo học Ngành Quản trị kinh doanh được trang bị những kiến thức cần thiết để có thể tự khởi nghiệp cũng như theo học các bậc học cao hơn ở các trường trong và ngoài nước
14. Chương trình đào tạo đối sánh:	Để xây dựng chương trình này, tổ soạn thảo đã tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học trong và ngoài nước sau: * Quản trị Thương Mại điện tử ▪ Chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử, Trường Đại học Thương Mại ▪ Chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử, trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng ▪ Chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử, trường Đại học Ngoại Thương. ▪ Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử, trường Đại học Monash, Australia https://www.monash.edu/study/courses/find-a-course/2023/commerce-b2001 ▪ Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử, trường Đại học Melbourne, Australia https://study.unimelb.edu.au/find/courses/undergraduate/bachelor-of-commerce/ * Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số ▪ Trường Đại học RMIT https://www.rmit.edu.vn/study-at-rmit ▪ Bournemouth University, 2019, BA (Hons) Tourism Management. https://intranetsp.bournemouth.ac.uk/progspecs/ba-tourism-management.pdf

	▪ Prince of Songkla University, Phuket Campus, 2020, prospectus bachelor of business administration program in tourism management. ▪ http://www.fht.psu.ac.th/fht/images/files/BBA/Prospectus_TRM%202563_1-05-2019.pdf ▪ University of Surrey, 2020, International Tourism Management. https://catalogue.surrey.ac.uk/2020-1/programme/UKA10-7 ▪ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019, chương trình đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành. https://dulichkhachsanhneu.edu.vn/vi/thong-bao-3615/ban-mo-ta-chuong-trinh-daotao-trinh-do-dai-hoc-nganh-qtdv-du-lich-va-lu-hanh * <i>Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng số</i> ▪ City University of Hong Kong, Hong Kong http://www.cityu.edu.hk/seem/prg-bengeltm.htm ▪ University of Greenwich, United Kingdom https://www.yumpu.com/en/document/read/21745425/e-logistics-and-supply-chain-management-university-of-greenwich ▪ RMIT University, Australia. https://www.rmit.edu.vn/study-at-rmit/undergraduate-programs/bachelor-business-logistics-supply-chain-management#program-structure ▪ Izmir University of Economics, Turkey https://dlm.ieu.edu.tr/en/syllabus/type/read/id/LOG+470 ▪ University of Michigan, United States http://catalog.umd.umich.edu/undergraduate/college-business/supply-chain-management/#coursestext * <i>Quản trị dự án CNTT</i> Quản lý dự án đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội https://daotao.neu.edu.vn/vi/ctdt-he-chinh-quy/chuong-trinh-dao-tao-he-dai-hoc-chinh-quy-cho-khoa-62 ▪ Trường đại học Davenport, Mỹ, chuyên ngành Quản trị dự án Công nghệ. https://www.davenport.edu/academics/areas/technology/bachelors-technology-project-management
--	--

B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TẦM NHÌN VÀ SỨ MẠNG

I. Triết lý giáo dục

“Nhân bản - Phụng sự - Khai phóng”

Nhân bản: Nhân là người, bản là gốc. Nhân là cái gốc của đạo làm người. Nhân bản là những đức tính chính yếu của một con người. Từ lúc sinh ra, bản chất con người chính là sự lương thiện. Giáo dục nhân bản hướng đến con người trưởng thành lương thiện, đạo đức trong xã hội và nghề nghiệp.

Phụng sự: Từ tâm hết lòng hết sức phục vụ. Ở đây là phụng sự cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo; cho sự phát triển và hạnh phúc của con người, tổ quốc và nhân loại.

Khai phóng: Khai minh và Giải phóng. Khai Minh là thu nạp kiến thức để mở mang hiểu biết, phá vỡ những hiểu biết sai lầm và dung nạp kiến thức mới. Khai minh cũng có nghĩa là khai mở sự sáng hoặc chiếu ánh sáng vào những nơi còn mù mờ. Giáo dục khai phóng (Liberal Education) là một nền giáo dục giải phóng trí tuệ con người để theo đuổi những chân lý mà không bị phủ mờ bởi giáo điều, ý thức hệ hay những định kiến. Người được giáo dục một cách khai phóng có tư duy độc lập, tư duy rộng và mở, và không dễ bị lũng đoạn, không dễ thành kiến hay định kiến.

II. Tầm nhìn

Trở thành trường đại học định hướng ứng dụng hàng đầu của cả nước về công nghệ thông tin, truyền thông, kinh tế số và các lĩnh vực liên quan theo mô hình quản trị tiên tiến, trường học thông minh, hiện đại.

III. Sứ mạng

Chuyên đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và phục vụ cộng đồng; nghiên cứu khoa học; chuyển giao tri thức và công nghệ về kinh tế số và các lĩnh vực liên quan nhằm phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội của địa phương, quốc gia và quốc tế.

C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PO và PLO)

I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và năng lực nghiên cứu tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe, đáp ứng tốt nhu cầu lao động trong thời kỳ hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2. Mục tiêu cụ thể

Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng đào tạo những cử nhân ngành Quản trị kinh doanh:

PO1: Có đạo đức tốt để làm việc và có ích cho cộng đồng.

PO2: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kiến thức toàn diện và chuyên sâu về quản lý hoạt động kinh doanh như marketing, thương mại điện tử, tài chính và khởi nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế số.

PO3: Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ để giải quyết các yêu cầu xử lý, cung cấp thông tin và ra quyết định trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh.

PO4A (QT TMDT): Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Thương mại điện tử, nắm vững nghiệp vụ quản lý, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin phục vụ phát triển nghề nghiệp.

PO4B (Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số): Có khả năng thực hiện, quản lý, điều hành và giám sát các nghiệp vụ cơ bản trong các đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch & các đơn vị dịch vụ khác; xây dựng và thực hiện các chiến lược marketing du lịch, phát triển tuyến điểm du lịch, quản trị điểm đến, quản lý dịch vụ du lịch hiệu quả trên nền tảng số.

PO4C (Quản trị E-logistics và chuỗi cung ứng số): Có khả năng thực hiện, quản lý, điều hành và giám sát các nghiệp vụ chuyên sâu trong hoạt động Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Phát triển năng lực khởi nghiệp & đổi mới sáng tạo, khả năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các vấn đề về chuyên môn và xã hội.

PO4D (Quản trị dự án CNTT): Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Quản trị dự án Công nghệ thông tin, nắm vững nghiệp vụ quản lý, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin phục vụ phát triển nghề nghiệp.

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng:

PLO1: Có ý thức đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp.

PI1.1. Thể hiện ý thức đạo đức nghề nghiệp.

PI1.2. Thể hiện các quy định pháp luật trong kinh doanh.

PI1.3. Có trách nhiệm nghề nghiệp.

PLO2: Vận dụng kiến thức trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật và quản trị kinh doanh để đánh giá những thay đổi của môi trường và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

PI2.1. Diễn giải các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên, xã hội và chính trị, kinh tế và quản lý.

PI2.2. Phân tích các tình huống nảy sinh khi vận hành các doanh nghiệp và Đề xuất các giải pháp xử lý.

PLO3: Phát triển tư duy sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, kỹ năng mềm và có năng lực học tập suốt đời.

PI3.1. Đề xuất ý tưởng khởi nghiệp có tính khả thi

PI3.2. Áp dụng kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý thời gian 1 cách hiệu quả trong công việc

PI3.3. Phát triển năng lực học tập suốt đời.

PLO4: Có khả năng sử dụng Tiếng Anh tốt trong lĩnh vực kinh doanh.

PI4.1. Đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Trường hợp sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế Toeic, yêu cầu tối thiểu 500.

PI4.2: Diễn giải tài liệu chuyên ngành.

PI4.3: Giao tiếp, làm việc và xử lý thành thạo các tình huống kinh doanh trong môi trường quốc tế bằng ngôn ngữ tiếng Anh

PLO5: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng hiệu quả các phần mềm đồ họa ứng dụng, công cụ thống kê để phục vụ hoạt động kinh doanh;

PI5.1. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản.

PI5.2. Thiết kế được các ấn phẩm và sử dụng thành thạo các công cụ thống kê phục vụ hoạt động kinh doanh

*** Quản trị Thương mại điện tử**

PLO6A: Vận dụng kiến thức pháp luật và các kiến thức chuyên sâu về thương mại điện tử để giải quyết được những vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp;

PI6.1A: Vận dụng kiến thức pháp luật khi điều hành doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh điện tử.

PI6.2A: Giải quyết được những vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp trên cơ sở vận dụng các kiến thức về thương mại điện tử.

PLO7A: Vận dụng được các quy trình quản lý, kinh doanh; Thiết kế, vận hành và quản trị website thương mại điện tử và triển khai các hoạt động tác nghiệp trong thương mại điện tử

PI7.1A: Vận dụng được các quy trình quản lý, kinh doanh trong Thương mại điện tử.

PI7.2A: Có khả năng thiết kế, vận hành và quản trị website thương mại điện tử;

PI7.3A: Xây dựng và triển khai các hoạt động tác nghiệp trong thương mại điện tử.

*** Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số**

PLO6B: Vận dụng kiến thức về văn hóa, địa lý, lịch sử, kinh tế, các tuyến điểm du lịch để phân tích, đánh giá và hoạch định chiến lược kinh doanh du lịch và lữ hành.

PI6.1B. Phân tích và đánh giá chiến lược kinh doanh du lịch và lữ hành.

PI6.2B. Có khả năng xây dựng tuyến điểm và tổ chức lãnh thổ du lịch trên cơ sở vận dụng các kiến thức về văn hóa, địa lý, lịch sử.

PLO7B: Có khả năng lập kế hoạch, tổ chức, xây dựng và cung ứng các dịch vụ du lịch và lữ hành; nắm vững quy trình xây dựng và thiết kế sản phẩm tour, điều hành tour du lịch; tổ chức xúc tiến và bán sản phẩm du lịch trên nền tảng số.

PI7.1B Có khả năng phân tích và đánh giá tâm lý, hành vi tiêu dùng của du khách trong kinh doanh dịch vụ du lịch trên nền tảng số.

PI7.2B Lập kế hoạch, xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành, thiết kế và điều hành tour du lịch.

PI7.3B Xây dựng và triển khai các hoạt động xúc tiến và bán sản phẩm du lịch trên nền tảng số.

*** Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số**

PLO6C: Có khả năng giải quyết vấn đề và đề xuất được ý tưởng kinh doanh trong lĩnh vực Logistics và chuỗi cung ứng trên nền tảng số nhằm khai thác các nguồn lực trong sản xuất, kinh doanh và xã hội.

PI6.1C. Có khả năng giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Logistics và chuỗi cung ứng trên nền tảng số nhằm khai thác các nguồn lực trong sản xuất, kinh doanh và xã hội.

PI6.2C. Có khả năng phân tích, đánh giá, phản biện và đề xuất được ý tưởng kinh doanh trong lĩnh vực Logistics và Chuỗi Cung ứng trên nền tảng số.

PLO7C: Có khả năng thực nghiệm, khai thác thông tin trong quản trị Logistics và vận hành chuỗi cung ứng trên nền tảng số; thực hiện các nghiệp vụ mua bán và thanh toán quốc tế.

PI7.1C. Có khả năng điều tra, thực nghiệm và khai thác thông tin trong quản trị Logistics và vận hành chuỗi cung ứng trên nền tảng số.

PI7.2C. Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ mua bán và thanh toán quốc tế.

*** Đối với chuyên ngành Quản trị Dự án Công nghệ Thông tin**

PLO6D: Có khả năng lập và quản trị được dự án công nghệ thông tin, xây dựng được hồ sơ đấu thầu dự án.

PI6.1D: Có khả năng lập được dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ thông tin và xây dựng được hồ sơ đấu thầu dự án.

PI6.2D: Có khả năng quản trị được dự án công nghệ thông tin, bao gồm cả quản trị rủi ro và quản trị chất lượng.

PLO7D: Có khả năng sử dụng được các công cụ thiết kế, phần mềm trong quản lý dự án công nghệ thông tin.

Ghi chú:

- PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5 là dành cho ngành Quản trị kinh doanh,
- PLO6A, PLO7A dành cho chuyên ngành Quản Trị Thương Mại Điện Tử.
- PLO6B, PLO7B dành cho CN Quản Trị Du lịch và lữ hành số
- PLO6C, PLO7C dành cho CN Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số
- PLO6D, PLO7D dành cho chuyên ngành Quản trị Dự án CNTT

III. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau đại học

1. Cơ hội việc làm

*** Quản trị Thương Mại Điện tử**

Sinh viên Ngành Quản trị kinh doanh _chuyên ngành Quản trị Thương mại điện tử được đào tạo và chuẩn bị để có khả năng và cơ hội hoạt động như là những chuyên viên thực hiện các công việc:

1. Trợ lý thương mại điện tử.
2. Nhân viên/chuyên viên thương mại điện tử.
3. Chuyên viên tiếp thị thương mại điện tử.
4. Nhân viên nội dung thương mại điện tử.
5. Biên tập viên thương mại điện tử.
6. Chuyên viên phân tích tiếp thị thương mại điện tử.
7. Chuyên viên phân tích thương mại điện tử.
8. Quản lý sản phẩm trực tuyến.

Ngoài ra, cử nhân chuyên ngành Quản trị Thương mại điện tử còn có thể làm việc ở viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo với vai trò chuyên viên, cán bộ giảng dạy về thương mại điện tử.

*** Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số**

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành sẽ đảm nhận được các vị trí:

- Nhân viên tác nghiệp, quản lý, giám sát, điều hành ở các bộ phận trực tiếp cung ứng dịch vụ, chuyên viên trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành, lưu trú, vui chơi giải trí trong phạm vi quốc gia và quốc tế...
- Chuyên viên các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và lữ hành, các tổ chức phi Chính phủ về Du lịch lữ hành, lưu trú du lịch trong phạm vi quốc gia và quốc tế.
- Khởi nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ lữ hành.

*** Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số**

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành quản trị logistics và chuỗi cung ứng sẽ đảm nhận được các vị trí công việc cụ thể sau:

- Làm việc và thăng tiến nghề nghiệp trong cơ quan quản lý Nhà nước về kinh doanh, các viện nghiên cứu, các cơ sở kinh doanh trong và ngoài nước liên quan đến lĩnh vực Logistics & Chuỗi cung ứng
- Khởi nghiệp trong kinh doanh trong lĩnh vực Logistics & chuỗi cung ứng
- Chuyên viên bộ phận dịch vụ và quản lý, giải pháp công nghệ Logistics và chuỗi cung ứng, các doanh nghiệp thương mại dịch vụ, sản xuất, vận hành; triển khai và quản lý các dự án sản xuất kinh doanh phức hợp trong lĩnh vực dịch vụ Logistics.
- Triển vọng trong tương lai có thể trở thành trưởng phòng, ban, giám đốc bộ phận, dự án, giám đốc kinh doanh hay chuyên gia phân tích, tư vấn, lãnh đạo.

*** Quản trị Dự án CNTT**

Sinh viên tốt nghiệp từ chuyên ngành Quản trị Dự án Công nghệ thông tin có thể làm các công việc:

- Chuyên viên quản lý dự án Công nghệ thông tin.

- Chuyên viên thẩm định dự án Công nghệ thông tin.
- Giám sát nghiệm thu dự án Công nghệ thông tin.
- Chuyên viên thiết kế, tư vấn thực hiện các công việc liên quan đến dự án Công nghệ thông tin.
- Giám đốc/Quản lý dự án Công nghệ thông tin

Ngoài ra, cử nhân chuyên ngành Quản trị Dự án Công nghệ thông tin còn có thể làm việc ở viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo với vai trò chuyên viên, cán bộ giảng dạy về Quản trị dự án Công nghệ thông tin.

2. Khả năng học tập sau đại học

Sinh viên theo học Ngành Quản trị kinh doanh được trang bị những kiến thức cần thiết để có thể tự khởi nghiệp cũng như theo học các bậc học cao hơn ở các trường trong và ngoài nước.

IV. Ma trận quan hệ giữa mục tiêu đào tạo (PO), chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO) và các chỉ số đánh giá (PI)

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 1. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT (PO)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6A	7A	6B	7B	6C	7C	6D	7D	6E	7E
PO1	X														
PO2		X													
PO3			X	X	X										
PO4A						X	X								
PO4B								X	X						
PO4C										X	X				
PO4D												X	X		
PO4E														X	X

V. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

Bảng 2. Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học

Kiến thức	Kỹ năng	Năng lực tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp. KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật. KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể. KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
--	--	--

Bảng 3. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

CDR theo Khung trình độ QG Chuẩn đầu ra CTĐT	Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO 1														X	
PLO 2	X	X			X	X		X						X	X
PLO 3							X	X	X			X	X	X	
PLO 4											X				
PLO 5			X												
PLO 6a				X		X		X		X				X	X
PLO 7a				X		X		X		X				X	X
PLO 6b				X		X		X		X				X	X
PLO 7b				X		X		X		X				X	X
PLO 6b				X		X		X		X				X	X
PLO 7b				X		X		X		X				X	X
PLO 6c									X	X		X	X		
PLO 7c				X		X		X		X				X	X
PLO 6d	X		x	X	X	X		X	X			X	X	X	X
PLO 7d	X	X	X	X	X	X		x	X	X		X	X	X	X
PLO 6e				X		X		X		X				X	X

PLO 7e				X		X		X		X				X	X
--------	--	--	--	---	--	---	--	---	--	---	--	--	--	---	---

D. CẤU TRÚC VÀ KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc CTĐT được chia thành 5 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 5.

Bảng 5. Các khối kiến thức và số tín chỉ

Số TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
I	Khối kiến thức chung	31	31	0
II	Khối kiến thức tăng cường	8	8	0
III	Khối kiến thức cơ sở ngành	40	40	0
	+ Học phần bắt buộc	31	31	0
	+ Học phần tự chọn theo CN	9	0	9
IV	Khối kiến thức chuyên ngành	36	26	10
	+ Khối kiến thức cơ sở	16	12	4
	+ Khối kiến thức chuyên sâu	20	14	6
V	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	10	0
	Tổng	125	115	10

Ghi chú: Chương trình trên chưa bao gồm các học phần bắt buộc về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh và ngoại ngữ.

II. Khung chương trình đào tạo

Bảng 6. Khung chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		30	1	0	31	31	0	
1	DE1001	Tin học đại cương	2,5	0,5	0	3	3	0	
2	SS1001	Triết học Mác-Lênin	3	0	0	3	3	0	
3	SS1002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	0	0	2	2	0	
4	SS1003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	2	2	0	
5	SS1004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0	0	2	2	0	
6	SS1005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	2	2	0	
7	SS1006	Pháp luật đại cương	2	0	0	2	2	0	
8	ENG-ELE1	Tiếng Anh 1	3	0	0	3	3	0	
9	ENG-ELE2	Tiếng Anh 2	2	0	0	2	2	0	
10	ENG-ELE3	Tiếng Anh 3	2	0	0	2	2	0	
11	DE1002	Khởi nghiệp & Đổi mới sáng tạo	2	0	0	2	2	0	
12	DE1003	Đạo đức trong kinh doanh	2	0	0	2	2	0	
13	NS1013	Xác suất thống kê	2	0	0	2	2	0	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
14	DE1004	Nhập môn ngành & kỹ năng mềm	1,5	0,5	0	2	2	0	
		<i>Giáo dục thể chất*</i>		*4		*4			
		<i>Giáo dục Quốc phòng*</i>		*8		*8			
II	KHỐI KIẾN THỨC TĂNG CƯỜNG		7	1	0	8	8	0	
15	DE2020	Tiếng Anh chuyên ngành 1	1,5	0,5	0	2	2	0	
16	DE2021	Tiếng Anh chuyên ngành 2	1,5	0,5	0	2	2	0	
17	FL2018	Tiếng Anh nâng cao 1	2	0	0	2	2	0	
18	FL2019	Tiếng Anh nâng cao 2	2	0	0	2	2	0	
19	FL2022	Tiếng Hàn 1	2	0	0	2	0	2	
20	FL2023	Tiếng Hàn 2	3	0	0	3	0	3	
III	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH					40	31	9	
III.1	Học phần bắt buộc		29	2	0	31	31	0	
21	DE2003	Quản trị học	3	0	0	3	3	0	
22	DE2004	Kinh tế vĩ mô	3	0	0	3	3	0	
23	DE2005	Kinh tế vi mô	3	0	0	3	3	0	
24	DE2006	Marketing căn bản	3	0	0	3	3	0	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
25	DE2007	Luật kinh doanh	2	0	0	2	2	0	
26	DE2008	Thống kê kinh doanh	3	0	0	3	3	0	
27	DE2009	Nguyên lý kế toán	3	0	0	3	3	0	
28	DE2012	Quản trị nguồn nhân lực	3	0	0	3	3	0	
29	DE2013	Hệ thống thông tin quản lý	3	0	0	3	3	0	
30	NS1014	Toán ứng dụng trong kinh tế	3	0	0	3	3	0	
31	DE2015	Đề án 1	0	1	0	1	1	0	
32	DE2016	Đề án 2	0	1	0	1	1	0	
III.1	Học phần tự chọn					9	0	9	
	Quản trị Thương mại điện tử, Quản trị dự án CNTT		8,5	0,5	0	9	9	0	
33	DE2001	Khởi sự kinh doanh	3	0	0	3	3	0	
34	DE2002	Kinh doanh quốc tế	3	0	0	3	3	0	
35	DE2011	Kỹ thuật đồ họa ứng dụng	2,5	0,5	0	3	3	0	
	Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành số		9	0	0	9	9	0	
36	DE2083	Tổng quan về du lịch	3	0	0	3	3	0	
37	DE2084	Văn hóa du lịch	3	0	0	3	3	0	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
38	DE2085	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	3	0	0	3	3	0	
	Quản trị Logistics và Chuỗi ung ứng số		9	0	0	9	9	0	
39	DE2010	Quản trị tài chính	3	0	0	3	3	0	
40	DE2001	Khởi sự kinh doanh	3	0	0	3	3	0	
41	DE2002	Kinh doanh quốc tế	3	0	0	3	3	0	
IV	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH					36	26	10	
QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (VÀ SONG NGỮ ANH-VIỆT)			27,5	8,5	0	36	26	10	
4.1	Kiến thức cơ sở chuyên ngành		13	3	0	16	12	4	
4.1.1	Học phần bắt buộc		10	2	0	12	12	0	
45	DE2026	Thương mại điện tử	3	0	0	3	3	0	
46	DE2033	Thiết kế Website Thương mại điện tử 1	1,5	0,5	0	2	2	0	
47	DE2024	Digital Marketing	2	0	0	2	2	0	
48	DE2023	Quản trị chuỗi cung ứng	2	0	0	2	2	0	
49	DE2025	Quản trị quan hệ khách hàng	1,5	0,5	0	2	2	0	
50	DE2027	Đề án 3_QT TMĐT	0	1	0	1	1	0	
4.1.2	Học phần tự chọn (lựa chọn tối thiểu 4 tín chỉ)		3	1	0	4	0	4	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
51	DE2172	Phát triển hệ thống Thương mại điện tử	3	0	0	3	0	3	
52	DE2028	Hành vi người tiêu dùng	3	0	0	3	0	3	
53	DE2029	Truyền thông Marketing tích hợp cơ bản	2	0	0	2	0	2	
54	DE2030	Quản trị bán hàng	1,5	0,5	0	2	0	2	
55	DE2022	Phương pháp NCKH trong kinh doanh	1,5	0,5	0	2	2	0	
56	DE2031	Chuyên đề 1_QT TMĐT	1,5	0,5	0	2	0	2	
4.2	Kiến thức chuyên ngành		14,5	5,5	0	20	14	6	
4.2.1	Học phần bắt buộc		10	4	0	14	14	0	
57	DE2034	Thiết kế Website Thương mại điện tử 2	1,5	0,5	0	2	2	0	
58	DE2035	Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử	1,5	0,5	0	2	2	0	
59	DE2041	Chiến lược kinh doanh điện tử	2	0	0	2	2	0	
60	DE2036	Quản trị thương hiệu	2	0	0	2	2	0	
61	DE2032	An toàn và bảo mật trong TMĐT	1,5	0,5	0	2	2	0	
62	DE2037	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	1,5	0,5	0	2	2	0	
63	DE2038	Đề án 4_QT TMĐT	0	1	0	1	1	0	
64	DE2039	Đề án 5_QT TMĐT	0	1	0	1	1	0	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
4.2.2	Học phần tự chọn (lựa chọn tối thiểu 6 tín chỉ)		4,5	1,5	0	6	0	6	
65	DE2040	Thanh toán điện tử	1,5	0,5	0	2	0	2	
66	DE2042	Thương mại di động	3	0	0	3	0	3	
67	DE2067	Quản trị cơ sở dữ liệu	1,5	0,5	0	2	0	2	
68	DE2044	Chuyên đề 2_QT TMĐT	1,5	0,5	0	2	0	2	
QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH SỐ (VÀ SONG NGỮ ANH-VIỆT)			26	10	0	36	26	10	
4.1	Kiến thức cơ sở chuyên ngành		16,5	3,5	0	20	16	4	
4.1.1	Học phần bắt buộc (compulsory course)		14,5	1,5	0	16	16	0	
69	DE2093	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	0	0	2	2	0	
70	DE2095	Thiết kế, phát triển và điều hành tour du lịch	2,5	0,5	0	3	3	0	
71	DE2099	Hành vi tiêu dùng du lịch	3	0	0	3	3	0	
72	DE2088	Marketing du lịch	3	0	0	3	3	0	
73	DE2089	Xúc tiến du lịch	2	0	0	2	2	0	
74	DE2052	Thương mại điện tử cơ bản	2	0	0	2	2	0	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
75	DE2087	Đề án 3 _Tuyển điểm du lịch và Văn hoá du lịch	0	1	0	1	1	0	
4.1.2	Học phần tự chọn (lựa chọn tối thiểu 4 tín chỉ)		2	2	0	4	0	4	
76	DE2171	Du lịch trực tuyến	2	0	0	2	0	2	
77	DE2179	Quản trị chiến lược trong du lịch và khách sạn	3	0	0	3	0	3	
78	DE2022	Phương pháp NKCH trong kinh doanh	1,5	0,5	0	2	0	2	
79	DE2091	Chuyên đề 1 _Du lịch thông minh (Smart Tourism)	1,5	0,5	0	2	0	2	
4.2	Kiến thức chuyên ngành		9,5	6,5	0	16	10	6	
4.2.1	Học phần bắt buộc		7,5	2,5	0	10	10	0	
80	DE2024	Digital marketing	2	0	0	2	2	0	
81	DE2094	Tổ chức sự kiện du lịch	3	0	0	3	3	0	
82	DE2180	Quản trị điểm đến du lịch	2,5	0,5	0	3	3	0	
83	DE2096	Đề án 4 _QT DVDL&LHS	0	1	0	1	1	0	
84	DE2097	Đề án 5 _QT DVDL&LHS	0	1	0	1	1	0	
4.2.2	Học phần tự chọn (lựa chọn tối thiểu 6 tín chỉ)		2	4	0	6	0	6	
85	DE2181	Điều hành đại lý lữ hành	2,5	0,5	0	3	3	0	
86	DE2182	Quản trị du lịch MICE	2,5	0,5	0	3	3	0	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
87	DE2041	Chiến lược kinh doanh điện tử	2	0	0	2	2	0	
88	DE2098	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	2	0	0	2	0	2	
89	DE2100	Thiết kế website thương mại điện tử	1,5	0,5	0	2	0	2	
90	DE2040	Thanh toán quốc tế trong du lịch	1,5	0,5	0	2	0	2	
91	DE2101	Nghệp vụ hướng dẫn du lịch	1,5	0,5	0	2	0	2	
92	DE2183	Nghệp vụ bán tour du lịch	1,5	0,5	0	2	0	2	
93	DE2102	Chuyên đề 2_Du lịch bền vững	1,5	0,5	0	2	0	2	
QUẢN TRỊ LOGISTICS VÀ CHUỖI CUNG ỨNG SỐ (VÀ SONG NGỮ ANH-VIỆT)			27,5	8,5	0	36	26	10	
4.1	Kiến thức cơ sở chuyên ngành		13,5	2,5	0	16	12	4	
4.1.1	Học phần bắt buộc		10,5	1,5	0	12	12	0	
94	DE2066	Nhập môn E-logistics	3	0	0	3	3	0	
95	DE2023	Quản trị chuỗi cung ứng	2	0	0	2	2	0	
96	DE2065	Quản trị xuất nhập khẩu	2	0	0	2	2	0	
97	DE2176	Thanh toán quốc tế	2	0	0	2	2	0	
98	DE2072	Chuyên đề 1_Logistics	1,5	0,5	0	2	2	0	
99	DE2069	Đề án 3_CN Logistics	0	1	0	1	1	0	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
4.1.2	Học phần tự chọn (lựa chọn tối thiểu 4 tín chỉ)		3	1	0	4	0	4	
100	DE2026	Thương mại điện tử	3	0	0	3	0	2	
101	DE2070	Quản trị dự án	2	0	0	2	0	2	
102	DE2067	Quản trị cơ sở dữ liệu	1,5	0,5	0	2	0	2	
103	DE2022	Phương pháp NKCH trong kinh doanh	1,5	0,5	0	2	0	2	
4.2	Kiến thức chuyên ngành		14	6	0	20	14	6	
4.2.1	Học phần bắt buộc		9	5	0	14	14	0	
104	DE2068	Thực hành mô phỏng trong Logistics	0	2	0	2	2	0	
105	DE2077	Khai phá và lưu trữ dữ liệu Logistics	1,5	0,5	0	2	2	0	
106	DE2080	Quản trị vận hành và nhà máy thông minh	2	0	0	2	2	0	
107	DE2074	Tổ chức vận tải đa phương thức	2	0	0	2	2	0	
108	DE2071	Thu mua điện tử	1,5	0,5	0	2	2	0	
109	DE2177	Điều phối Logistics	2	0	0	2	2	0	
110	DE2078	Đề án 4_CN Logistics	0	1	0	1	1	0	
111	DE2079	Đề án 5_CN Logistics	0	1	0	1	1	0	
4.2.2	Học phần tự chọn (lựa chọn tối thiểu 6 tín chỉ)		5	1	0	6	0	6	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
112	DE2041	Chiến lược kinh doanh điện tử	2	0	0	2	0	2	
113	DE2037	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	1,5	0,5	0	2	2	0	
114	DE2082	Chuyên đề 2_Logistics	1,5	0,5	0	2	0	2	
115	DE2073	Quản trị kho hàng	2	0	0	2	2	0	
QUẢN TRỊ DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (VÀ SONG NGỮ ANH-VIỆT)			27,5	8,5	0	36	30	6	
4.1	Kiến thức cơ sở chuyên ngành		12,5	3,5	0	16	16	0	
4.1.1	Học phần bắt buộc		9,5	2,5	0	12	10	0	
116	DE2018	Nhập môn quản lý dự án	2	0	0	2	2	0	
117	DE2129	Mô hình phát triển dự án	2	0	0	2	2	0	
118	DE2126	Lập dự án đầu tư	2,5	0,5	0	3	3	0	
119	DE2131	Thiết kế website	1,5	0,5	0	2	2	0	
120	DE2019	Cơ sở lập trình	1,5	0,5	0	2	0	2	
121	DE2130	Đề án 3_QT DA CNTT	0	1	0	1	1	0	
4.1.2	Học phần tự chọn(4 TC)		3	1	0	4	0	4	
122	DE2022	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	1,5	0,5	0	2	2	0	
123	DE2052	Thương mại điện tử	3	0	0	3	0	2	

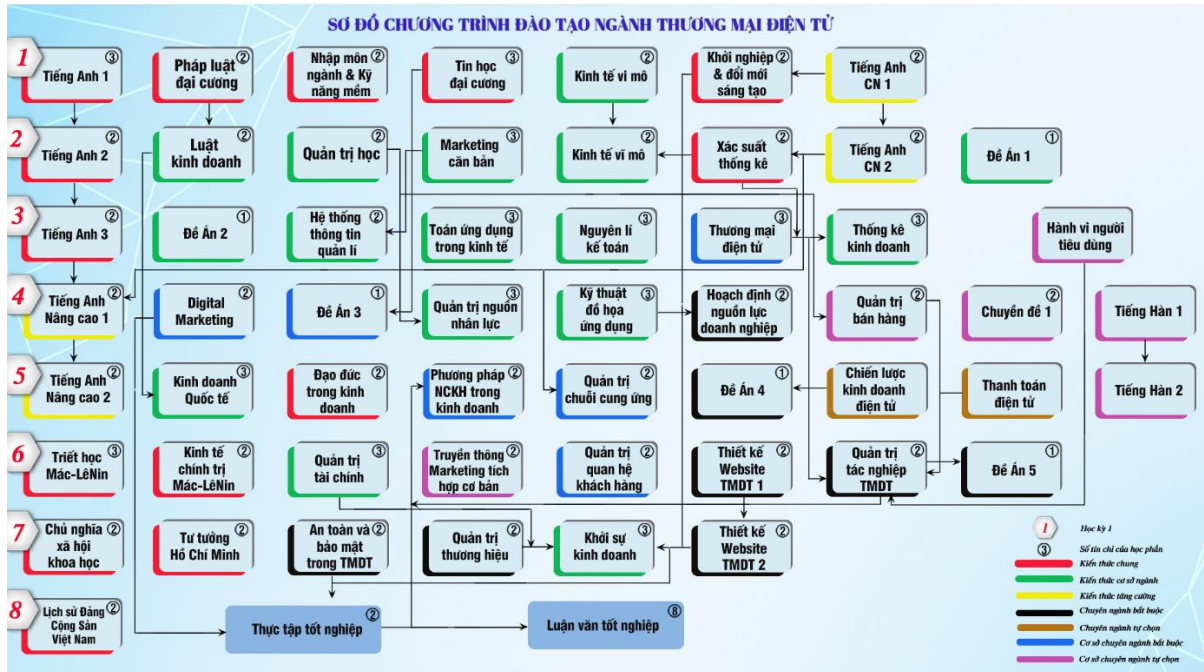
STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
124	DE2133	Mạng máy tính	1,5	0,5	0	2	0	2	
125	DE2142	Công nghệ website	1,5	0,5	0	2	0	2	
126	CS2002	Cơ sở dữ liệu	3	0	0	3	0	3	
4,2	Kiến thức chuyên ngành		15	5	0	20	14	6	
4.2.1	Học phần bắt buộc		10	4	0	14	14	0	
127	DE2139	Quản lý rủi ro dự án	2,5	0,5	0	3	3	0	
128	DE2138	Quản lý chất lượng dự án	2,5	0,5	0	3	3	0	
129	DE2137	Quản trị đấu thầu dự án	2,5	0,5	0	3	3	0	
130	DE2136	Quản lý dự án Công nghệ thông tin	2,5	0,5	0	3	3	0	
131	DE2140	Đề án 4_QT DA CNTT	0	1	0	1	1	0	
132	DE2141	Đề án 5_QT DA CNTT	0	1	0	1	1	0	
4.2	Học phần tự chọn(6 TC)		5	1	0	6	0	6	
133	DE2127	Quản lý truyền thông dự án	2	0	0	2	0	2	
134	DE2135	Quản lý hợp đồng	1,5	0,5	0	2	0	2	
135	DE2174	Quản lý dự án bằng Microsoft Project	2,5	0,5	0	3	0	3	
136	DE2175	Phân tích báo cáo tài chính dự án	3	0	0	3	0	3	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
137	NIS2002	An toàn và bảo mật thông tin	2	0	0	2	0	2	
138	DE2134	Chuyên đề 1_QT DA CNTT	2	0	0	2	0	2	
139	DE2143	Chuyên đề 2-QT DA CNTT	2	0	0	2	0	2	
V	THỰC TẬP VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP		0	8	2	10	10	0	
164	DE3001	Thực tập tốt nghiệp	0	0	2	2	2	0	
165	DE3002	Khóa luận tốt nghiệp	0	8	0	8	8	0	
		Tổng cộng				125	106	19	

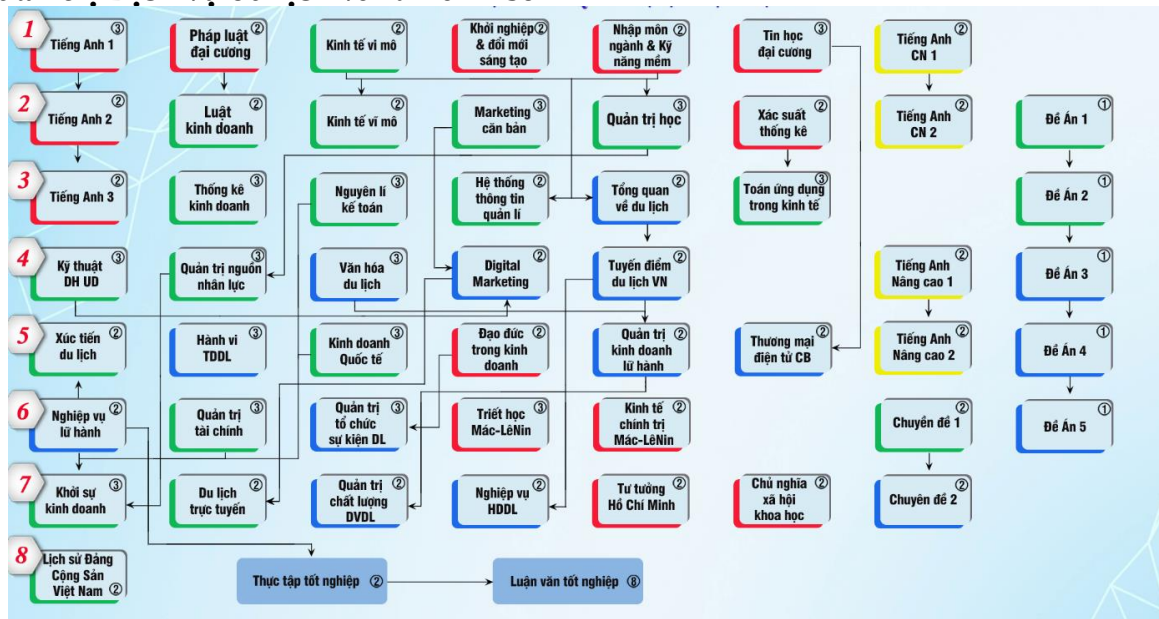
(Tổng tín chỉ toàn khóa: 125 tín chỉ không bao gồm tín chỉ GDTC, GDQP-AN)

III. Cây chương trình đào tạo

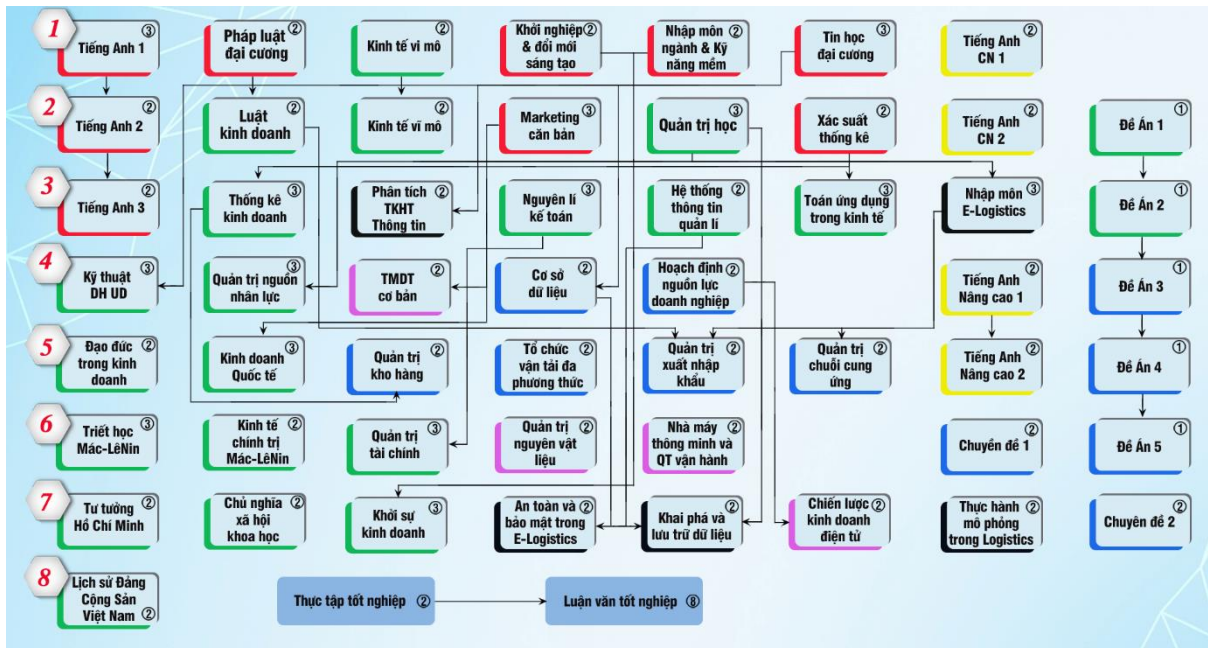
* Quản trị Thương Mại điện tử



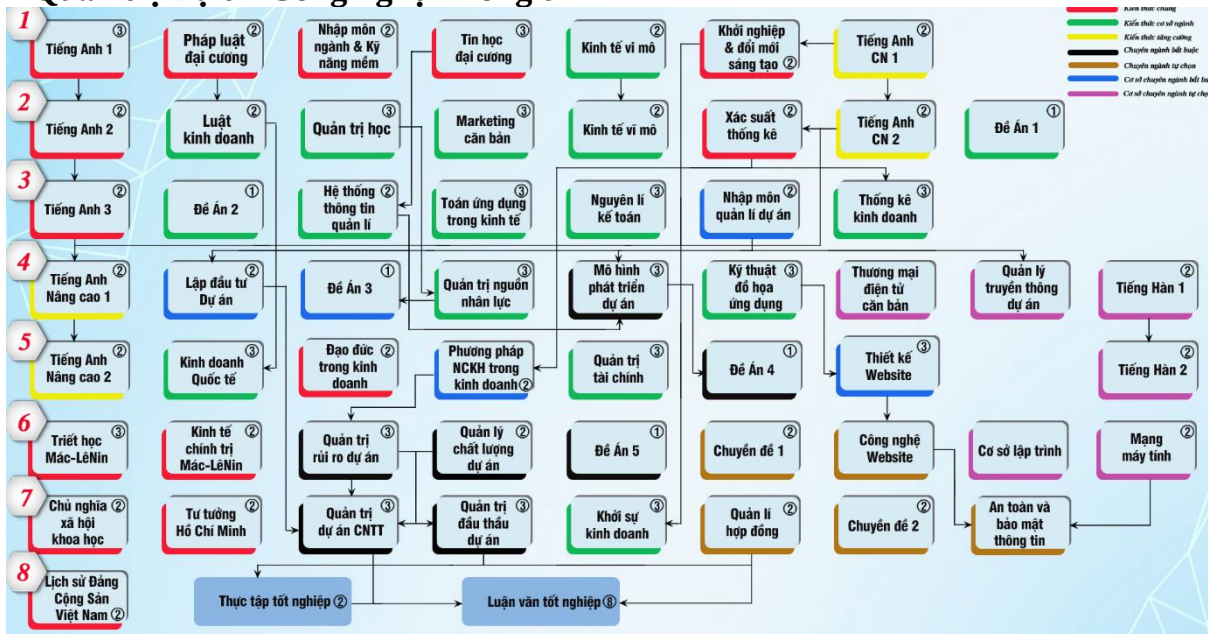
* Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành số



* Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số



* Quản trị Dự án Công nghệ Thông tin



1

Học kỳ 1

③

Số tín chỉ của học phần

- Kiến thức chung
- Kiến thức cơ sở ngành
- Kiến thức tăng cường
- Chuyên ngành bắt buộc
- Chuyên ngành tự chọn
- Cơ sở chuyên ngành bắt buộc
- Cơ sở chuyên ngành tự chọn

